

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 31/8/2026)

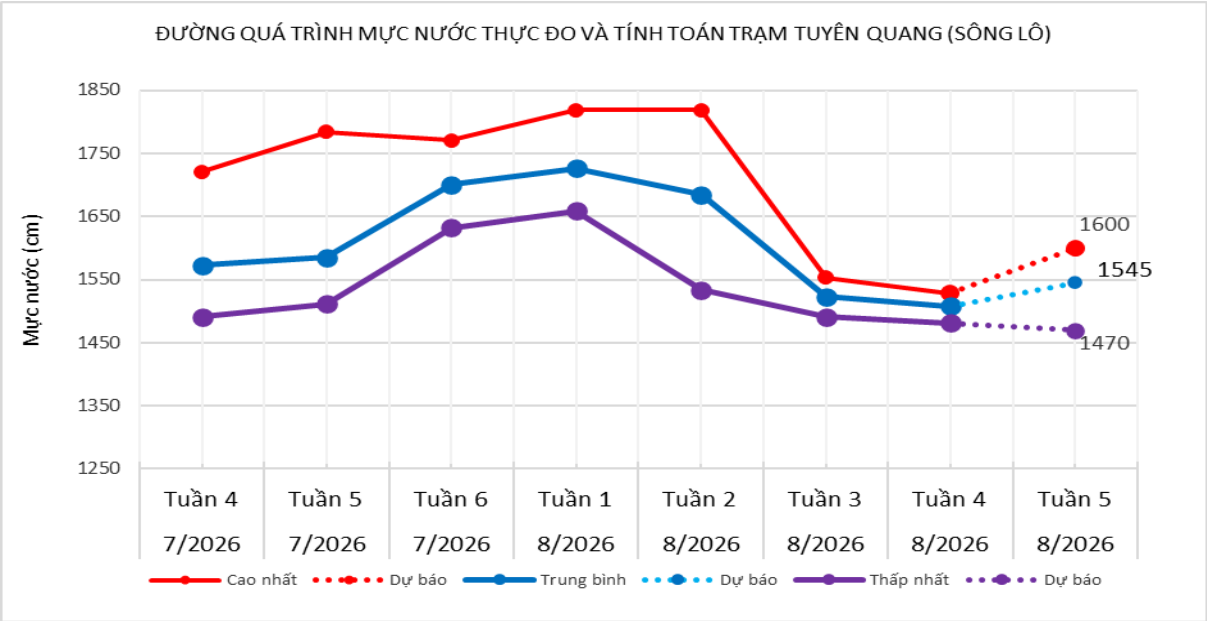
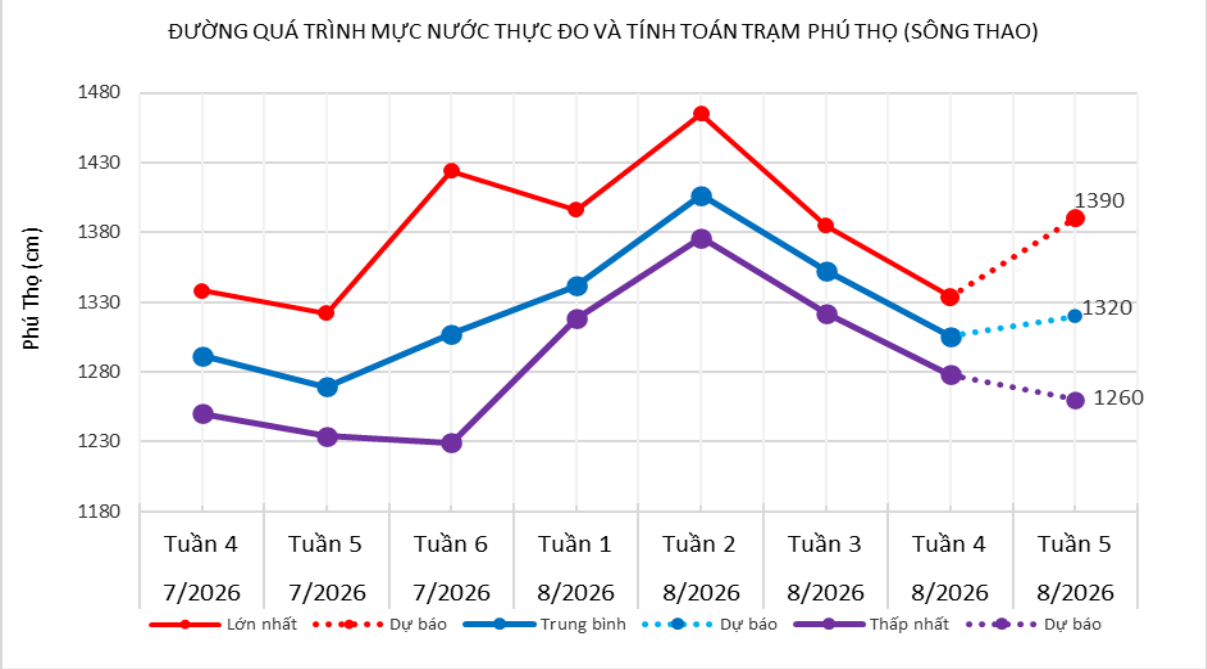
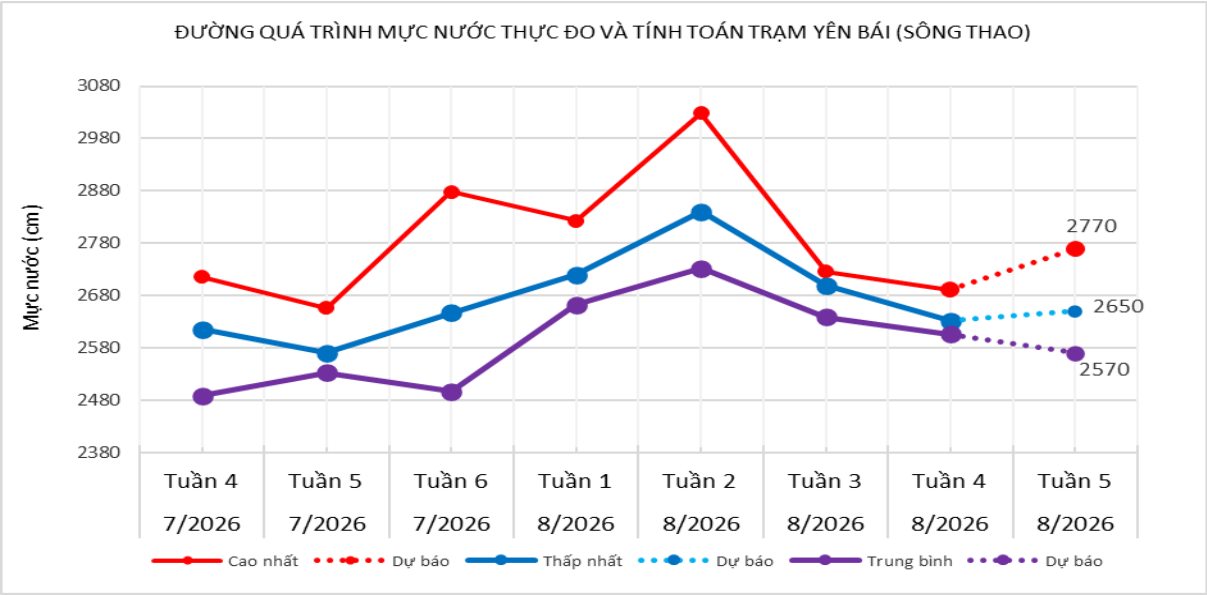
1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 5 ngày qua, mực nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái biến đổi chậm theo xu thế lên, trạm Phú Thọ xuống trong những ngày đầu, sau biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 5 ngày qua, mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang và trạm Vụ Quang biến đổi chậm và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Trong 5 ngày qua, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm theo xu thế xuống trong 3 ngày đầu, 2 ngày cuối tăng do hồ Hòa Bình mở 01 cửa xả đáy lúc 16h ngày 18/8.

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 5 ngày tới, mực nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ sẽ biến đổi chậm trong những ngày đầu, sau có khả năng lên trong ngày cuối.
- Sông Lô: Trong 5 ngày tới, mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, Vụ Quang sẽ dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình có khả năng tăng trong thời kỳ từ 23-25/8 do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Trong 5 ngày tới, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi với xu thế lên, chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và chế độ thủy triều.



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VU QUANG (SÔNG LỖ)

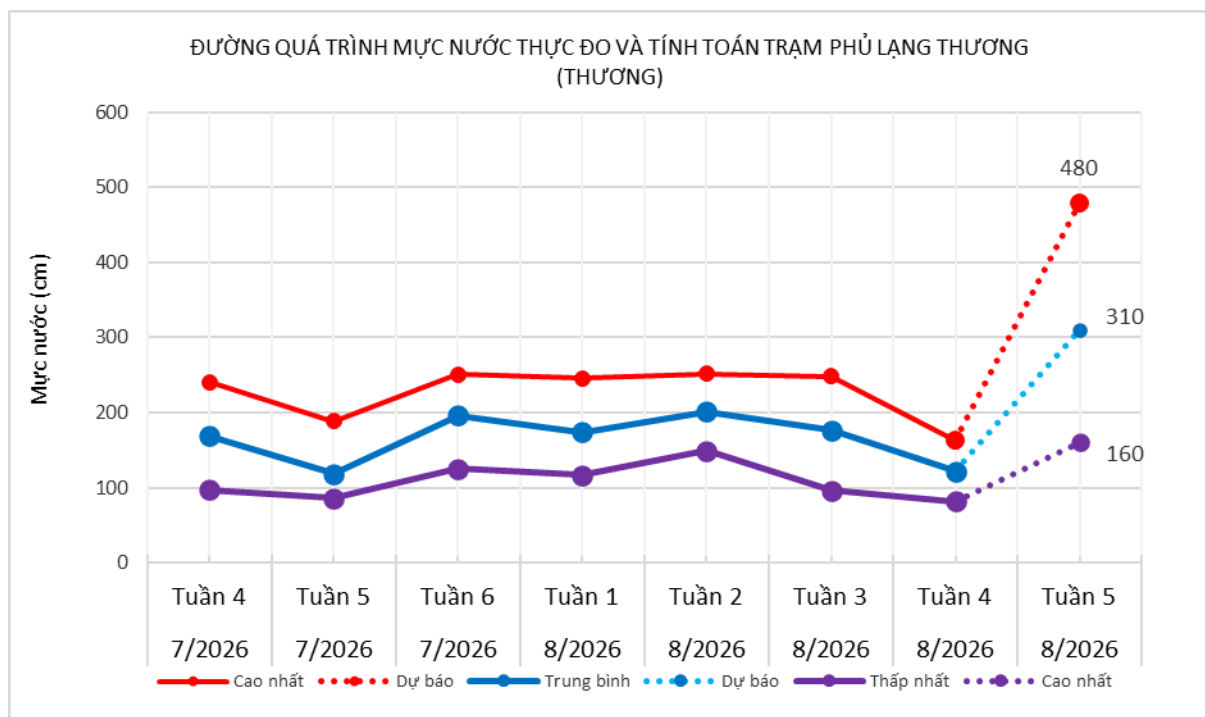
Tuần	Ngày	Cao nhất (cm)	Trung bình (cm)	Thấp nhất (cm)	Cao nhất Dự báo (cm)	Trung bình Dự báo (cm)	Thấp nhất Dự báo (cm)
Tuần 4	7/2026	900	810	740	-	-	-
Tuần 5	7/2026	1050	850	790	-	-	-
Tuần 6	7/2026	1070	990	920	-	-	-
Tuần 1	8/2026	1100	980	910	-	-	-
Tuần 2	8/2026	1110	1000	850	-	-	-
Tuần 3	8/2026	870	800	750	-	-	-
Tuần 4	8/2026	800	760	720	850	785	710
Tuần 5	8/2026	850	785	710	-	-	-

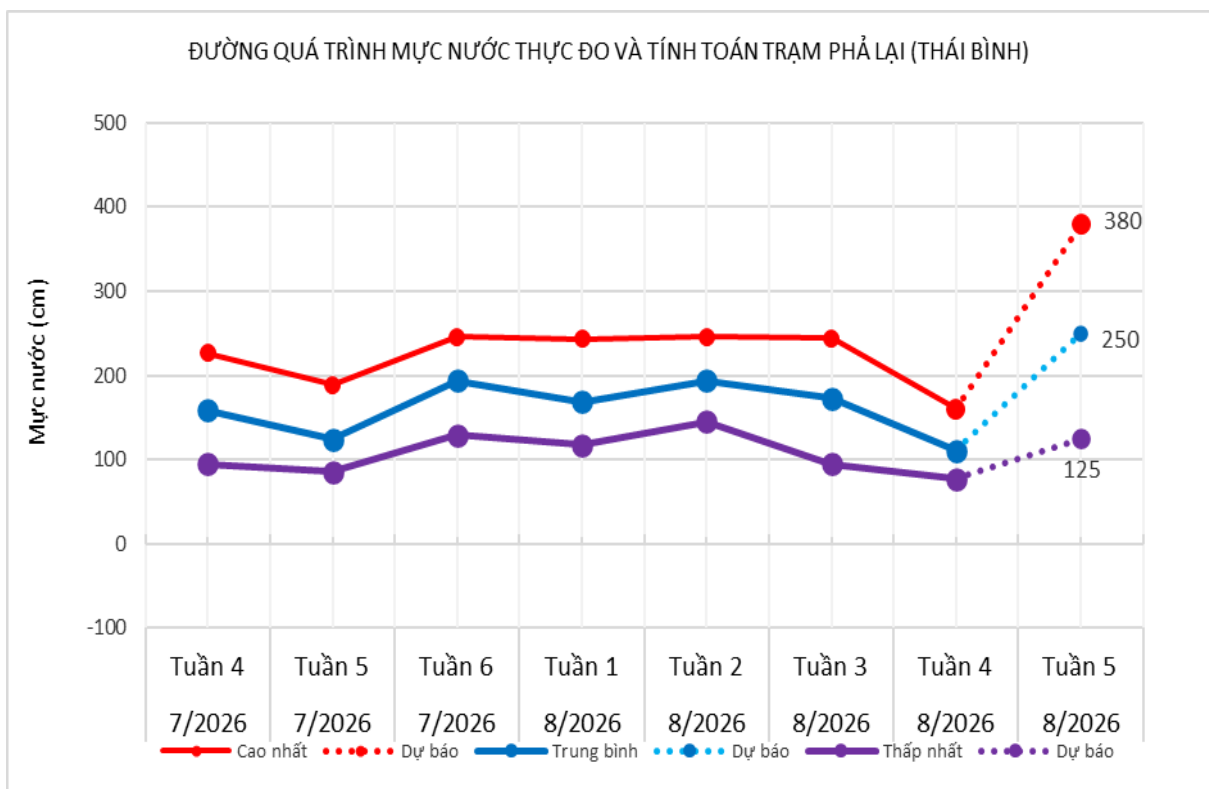
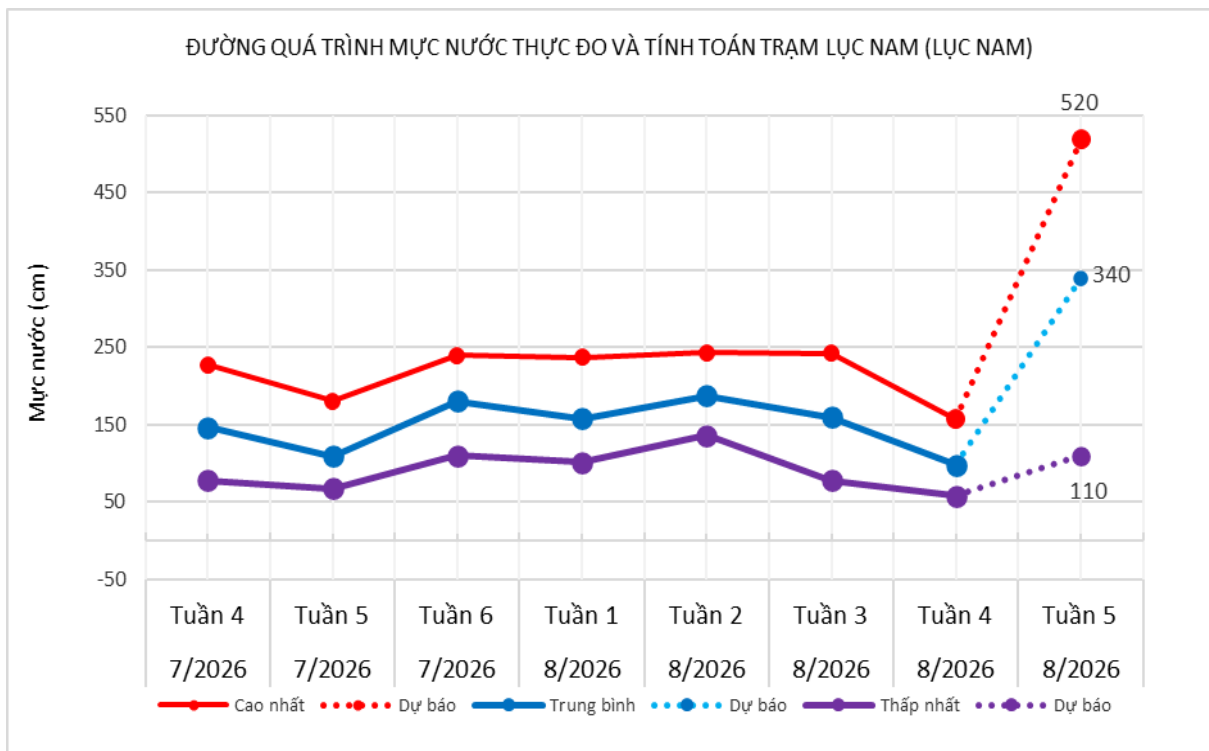
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)

Tuần	Ngày	Cao nhất (m³/s)	Dự báo Cao nhất (m³/s)	Thấp nhất (m³/s)	Dự báo Thấp nhất (m³/s)	Trung bình (m³/s)	Dự báo Trung bình (m³/s)
Tuần 4	7/2026	5400		4000		3400	
Tuần 5	7/2026	4400		3700		3300	
Tuần 6	7/2026	4500		3800		3400	
Tuần 1	8/2026	4400		3900		3500	
Tuần 2	8/2026	5000		4200		3400	
Tuần 3	8/2026	4400		3700		3200	
Tuần 4	8/2026	4500		3600		2000	
Tuần 5	8/2026	6000	6000	3370	3370	600	600

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)

Thời gian	Cao nhất (cm)	Dự báo (cm)	Trung bình (cm)	Dự báo (cm)	Thấp nhất (cm)	Dự báo (cm)
Tuần 4 7/2026	400		375		350	
Tuần 5 7/2026	425		370		350	
Tuần 6 7/2026	535		455		415	
Tuần 1 8/2026	515		415		370	
Tuần 2 8/2026	550		500		435	
Tuần 3 8/2026	480		400		325	
Tuần 4 8/2026	390		315		275	
Tuần 5 8/2026	500	500	380	380	310	310





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

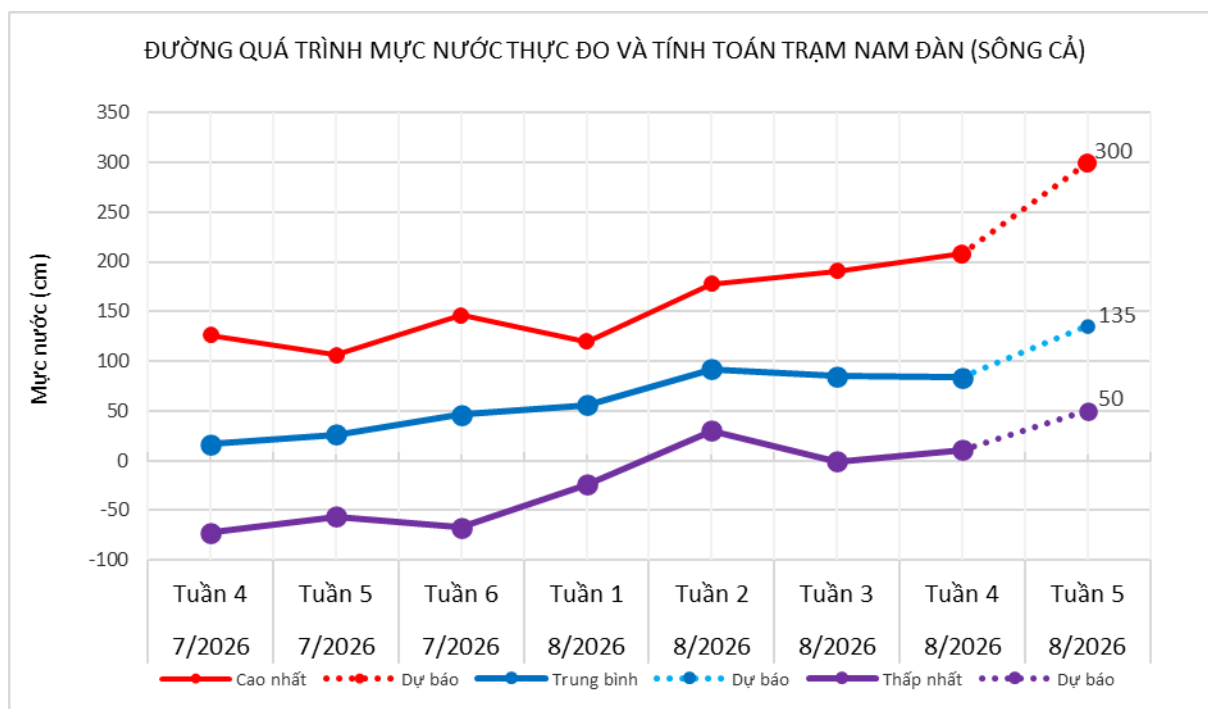
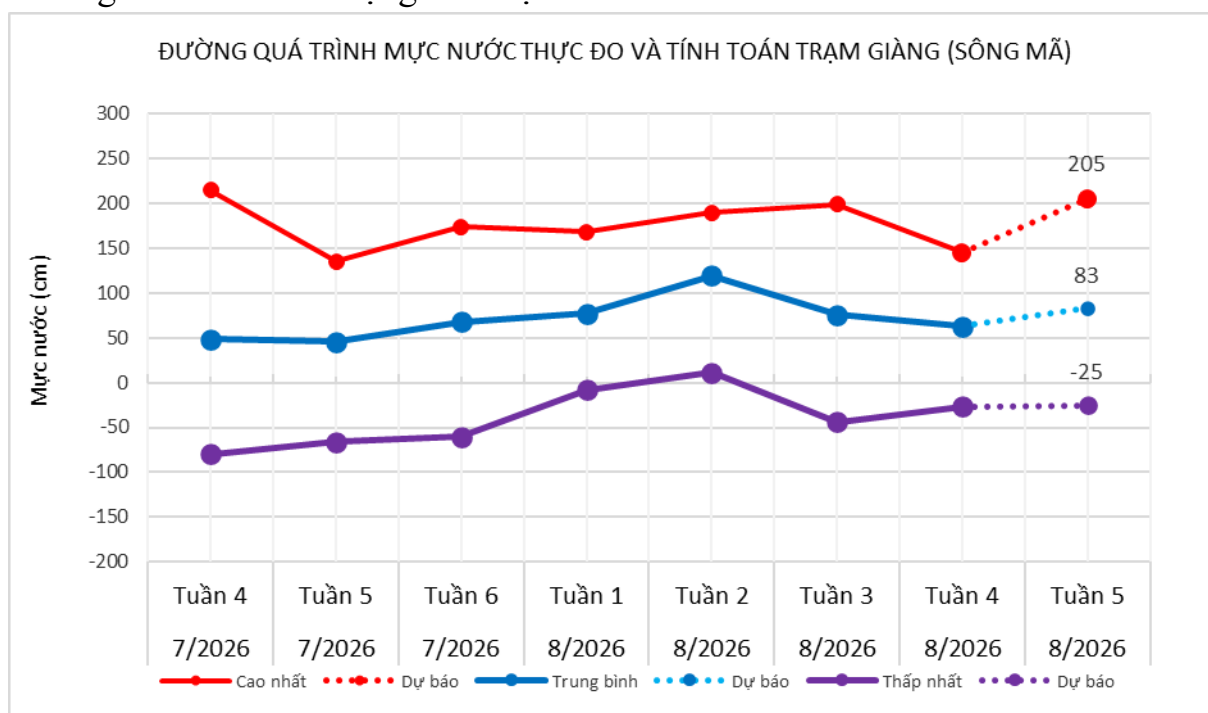
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày qua, trên các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh đã xuất hiện một đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ sông Ngàn Phố và thượng lưu sông Cả ở mức BĐ1; các sông khác còn ở dưới mức BĐ1.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước thượng lưu các sông ở Quảng Trị có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều. Mức nước trên các sông ở TP Huế dao động theo vận hành của các hồ chứa.

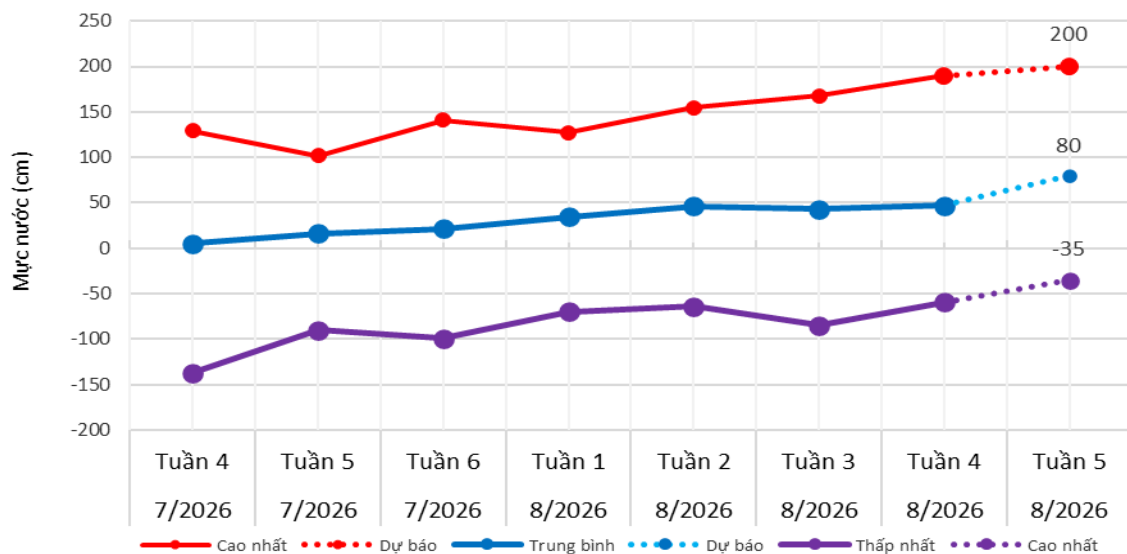
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày tới, mức nước thượng lưu sông Mã có khả năng xuất hiện lũ nhỏ, trung hạ lưu có dao động; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh xuống dần.

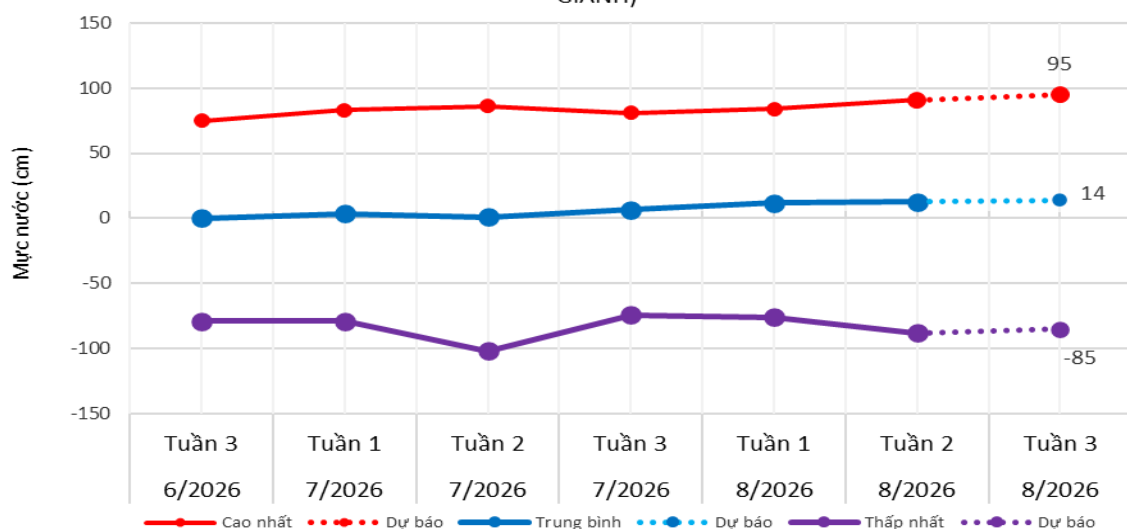
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước thượng lưu các sông ở Quảng Trị có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều. Mức nước trên các sông ở TP Huế dao động theo vận hành của các hồ chứa



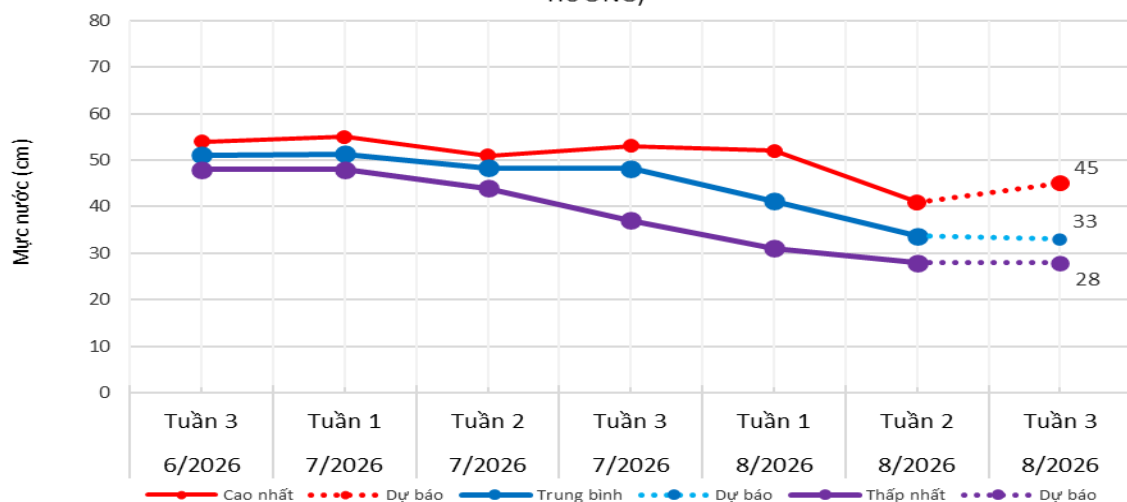
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)



4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

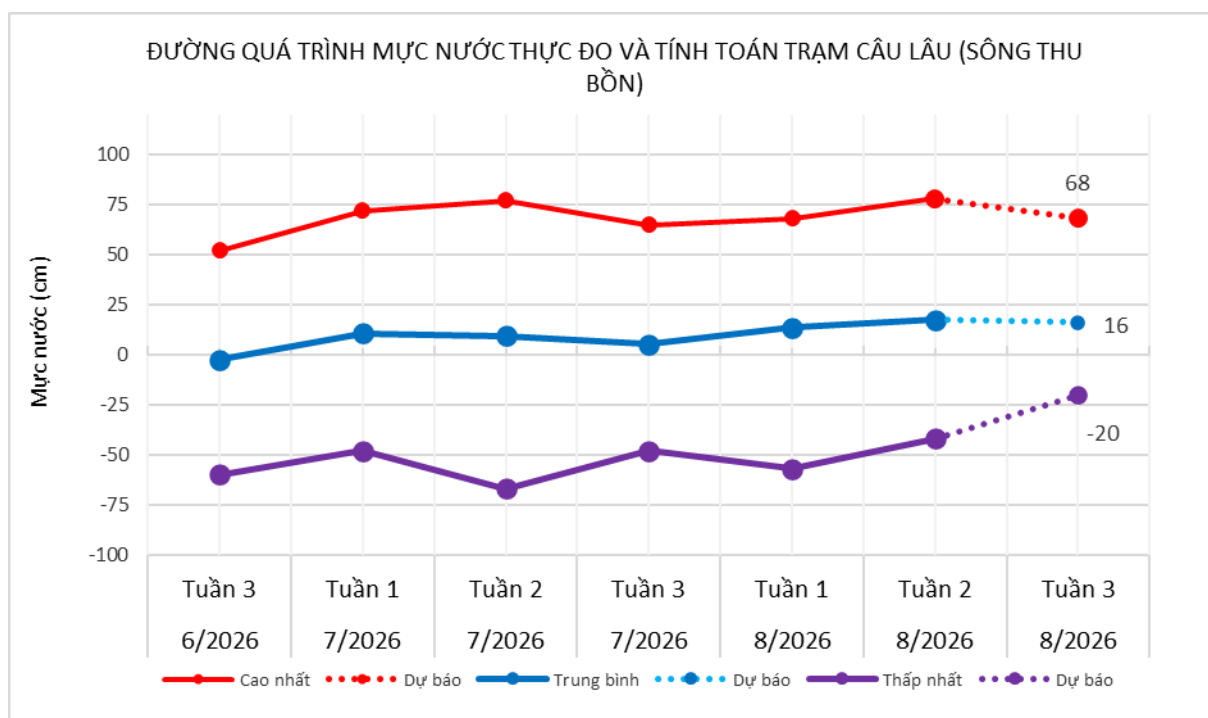
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước thượng lưu sông Vu Gia có dao động do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực, trung, hạ lưu sông Vu Gia và các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa và ảnh hưởng của thủy triều.

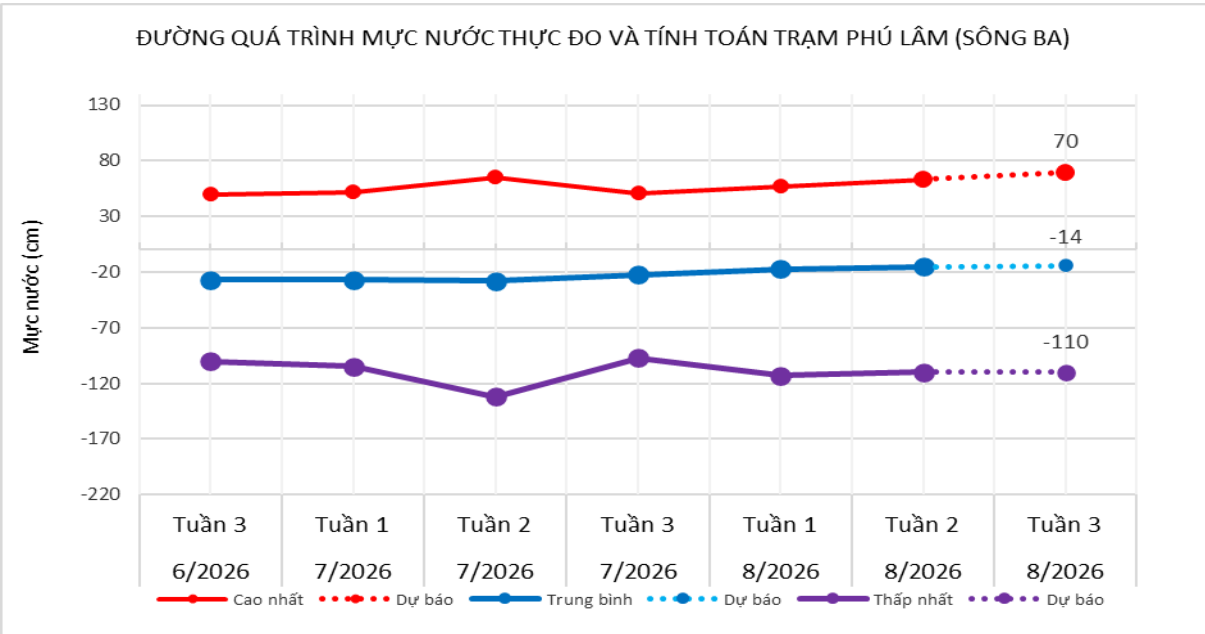
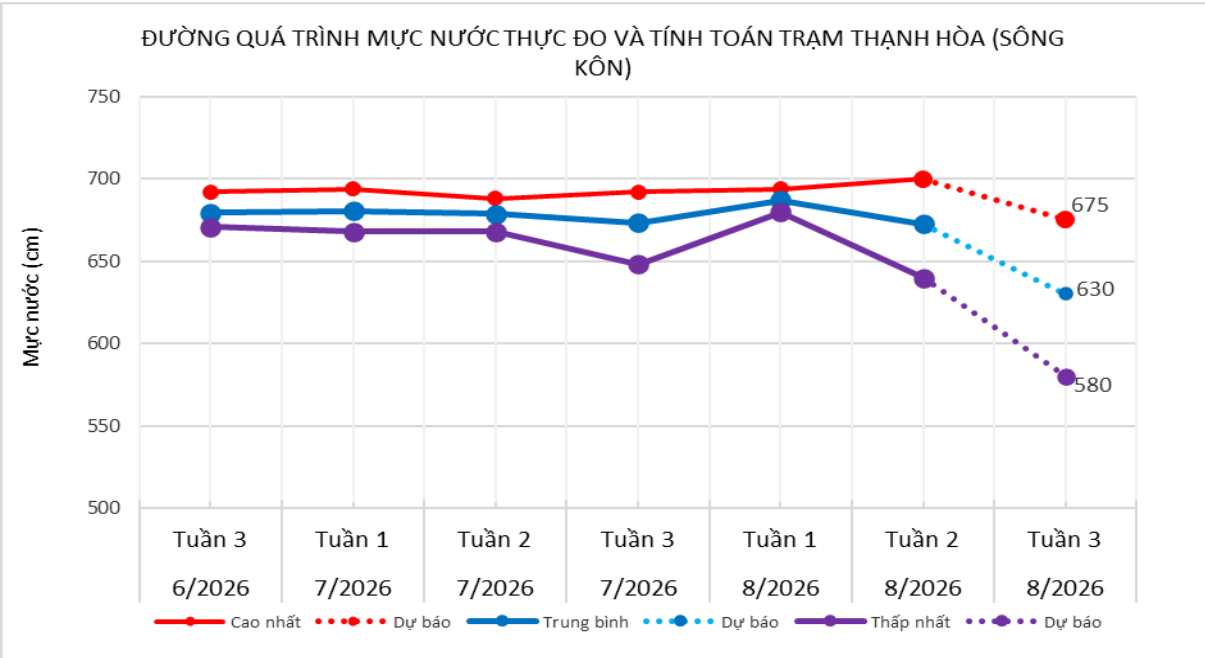
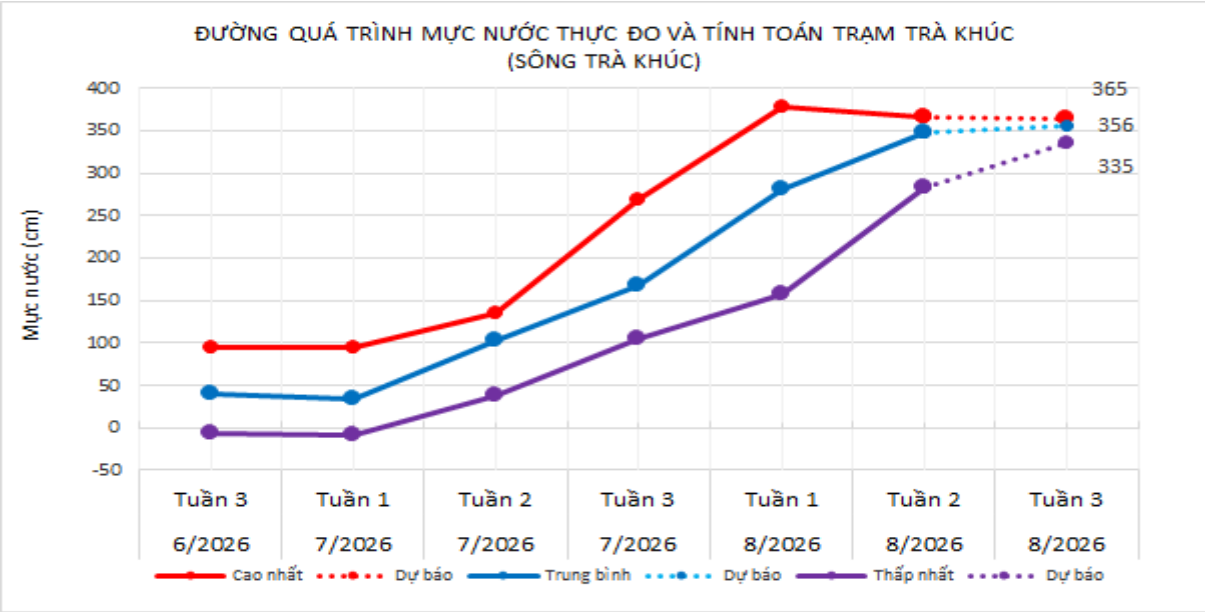
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mực nước thượng, trung lưu các sông dao động theo vận hành của hồ chứa, hạ lưu các sông dao động do ảnh hưởng của thủy triều.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





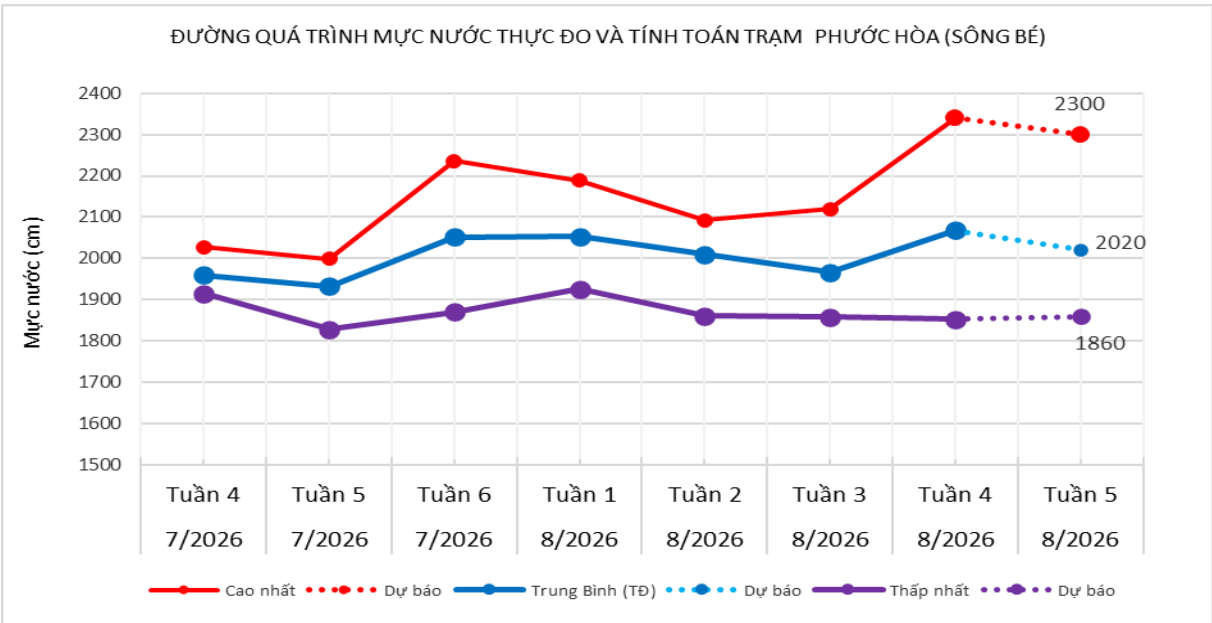
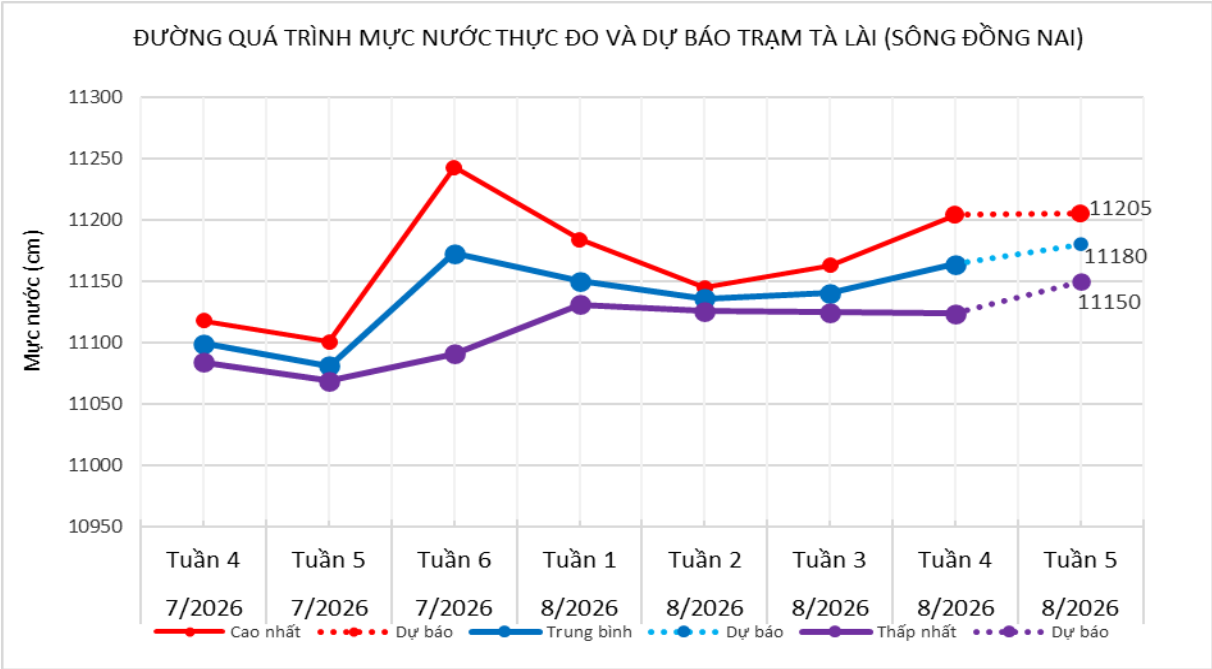
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, trên sông Đồng Nai đã xuất hiện 01 đợt lũ với mực nước đỉnh lũ tại trạm Tà Lài đạt mực 112,04m (22h ngày 20/8), trên báo động (BĐ)1 0,04m. Mực nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài khả năng xuất hiện đợt lũ nhỏ; trên sông Bé tại trạm Phước Hoà sẽ dao động theo điều tiết thủy điện thượng lưu.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

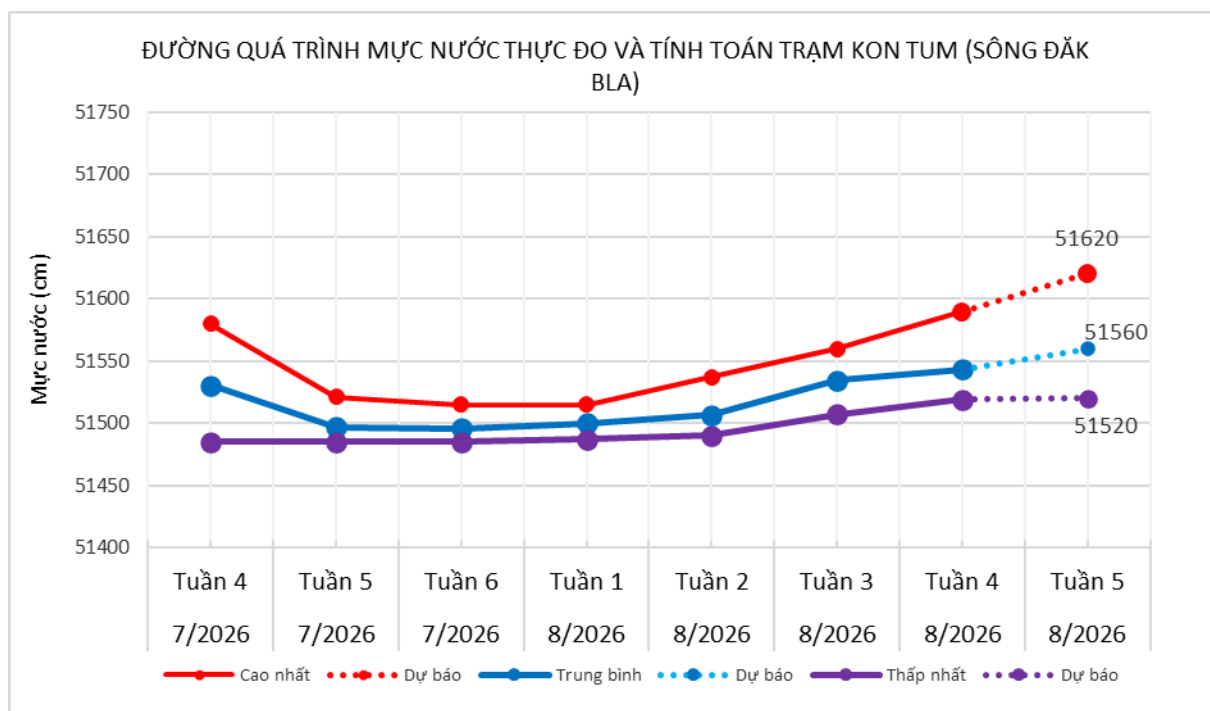
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Từ ngày 19-20/8, trên sông Pô Kô và sông Đắc Tô Kan đã xuất hiện lũ nhỏ, đỉnh lũ tại trạm Đắc Mốt là 585,22m (13h/19/8), dưới mức BĐ2 0,28m; tại trạm Đắc Tô là 577,61m (9h/19/8), dưới BĐ2 0,39m; mực nước sông Đăkbla có dao động; sông Krông Ana mực nước biến đổi theo xu thế lên dần.

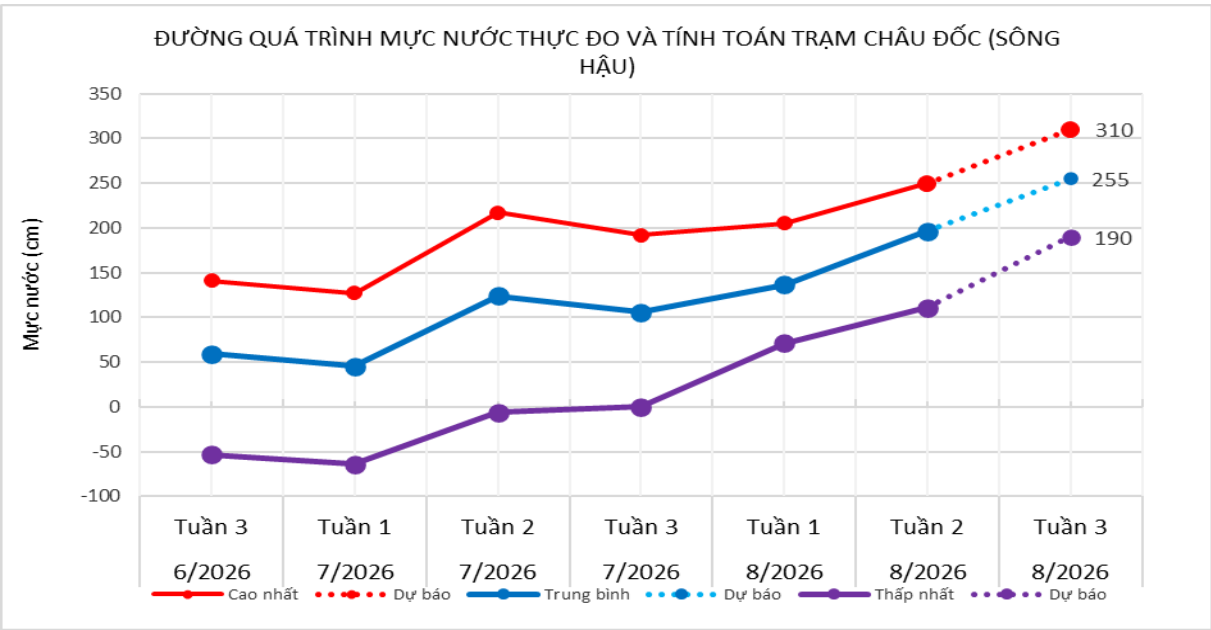
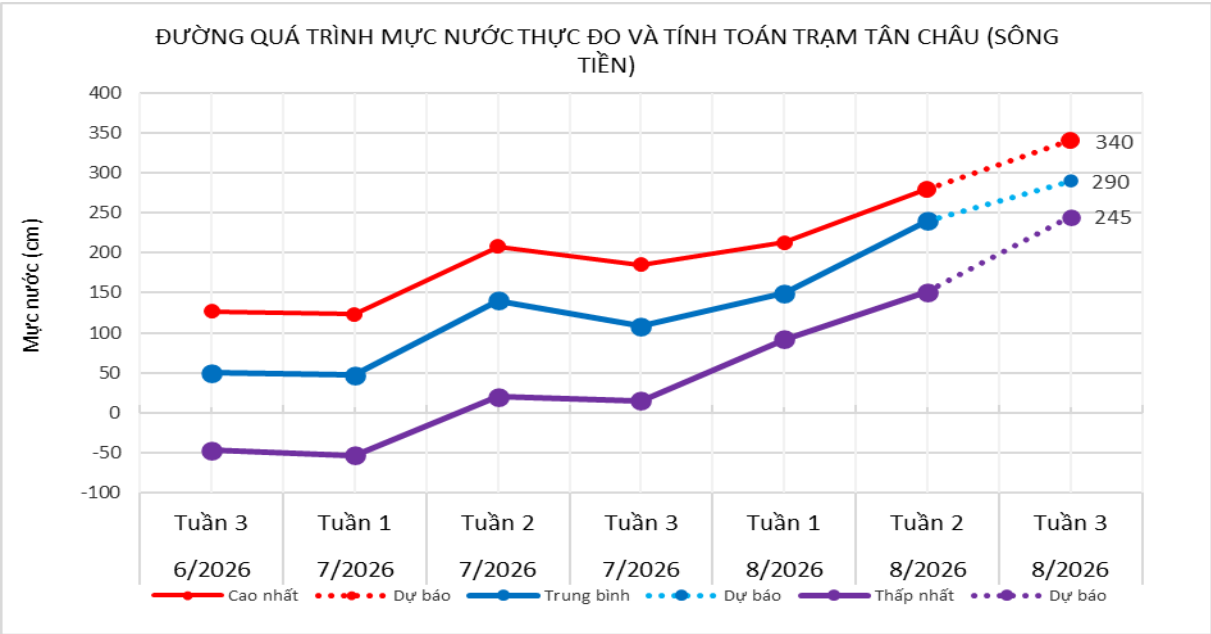
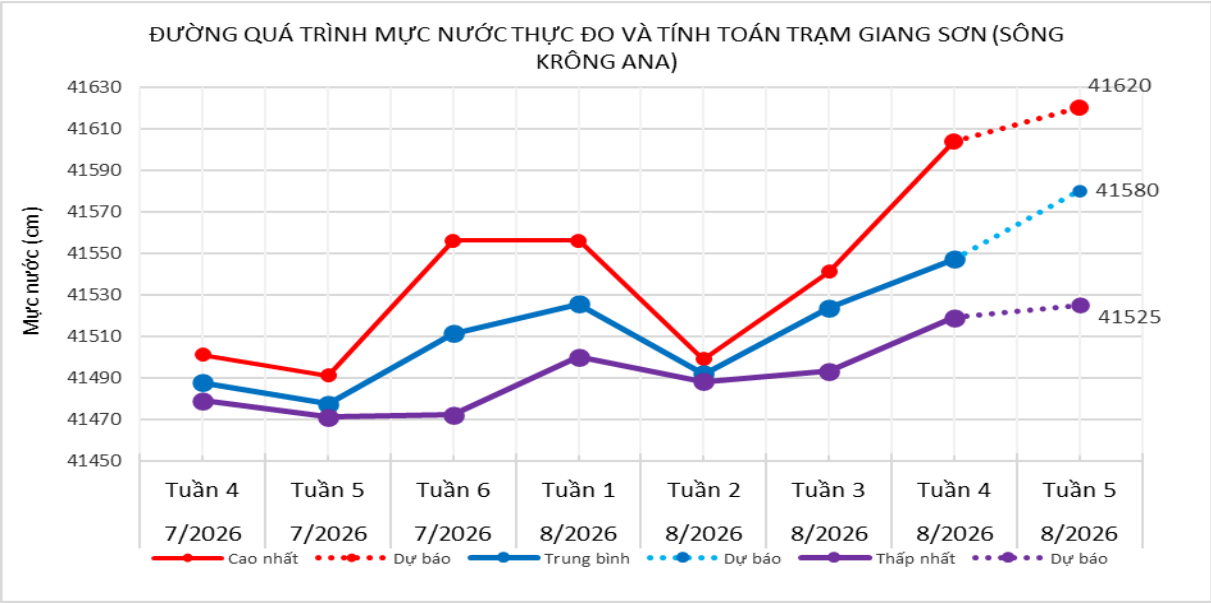
- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần sau đó xuống. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,8m (ngày 17/8), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,5m (ngày 17/8).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày tới, mực nước hạ lưu sông Đăkbla có dao động; sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm; các sông khác mực nước dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

- Sông Cửu Long: Trong 1-2 ngày tới, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trong những ngày sau mực nước sẽ lên nhanh. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,4m dưới BĐ1 0,1m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 3,1m trên BĐ1 0,1m.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 26/08/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phùng Tiến Dũng', with a long horizontal stroke extending to the right.

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	3602	4485	2054	3370	6000	600
Thao	Yên Bái	2632	2691	2606	2650	2770	2570
Thao	Phú Thọ	1306	1334	1278	1320	1390	1260
Lô	Tuyên Quang	1508	1528	1481	1545	1600	1470
Lô	Vụ Quang	756	795	718	785	850	710
Cầu	Đáp Cầu	133	171	102	300	430	160
Thương	Phủ Lạng Thương	121	163	82	310	480	160
Lục Nam	Lục Nam	96	157	58	340	520	110
Hồng	Hà Nội	330	394	278	380	500	310
Thái Bình	Phả Lại	112	160	77	250	380	125
Mã	Giàng	63	145	-28	83	205	-25
Cả	Nam Đàn	84	208	11	135	300	50
La	Linh cảm	47	190	-59	80	200	-35
Đăkbla	Kon Tum	51545	51590	51519	51560	51620	51520
Krông Ana	Giang Son	41548	41604	41519	41580	41620	41525
Đồng Nai	Tà Lài	11165	11204	11124	11180	11205	11150
Bé	Phước Hòa	2072	2340	1852	2020	2300	1860

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			6 ngày cuối			Đặc trưng 11 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Gianh	Mai Hóa	13	91	-88	15	95	-85	12	85	-80	14	95	-85
Hương	Kim Long	34	41	28	32	38	28	34	45	30	33	45	28
Thu Bồn	Câu Lâu	17	78	-42	15	58	5	16	68	-20	16	68	-20
Trà Khúc	Trà Khúc	348	366	283	355	365	345	356	365	335	356	365	335
Kôn	Thanh Hòa	672	700	640	650	675	620	610	660	580	630	675	580
Đà Rằng	Phú Lâm	-14	63	-110	-12	60	-90	-15	70	-110	-14	70	-110
Tiền	Tân Châu	238	280	151	260	295	245	320	340	300	290	340	245
Hậu	Châu Đốc	199	250	111	220	250	190	290	310	270	255	310	190